

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: 02 /2015/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 4 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã
dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi,
giai đoạn 2015 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHOÁ XI - KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ Về quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Về một số chính sách phát triển thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020 với những nội dung chính sau:

1. Mục tiêu, định hướng xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ (Hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ sau đây gọi là hợp tác xã):

a) Mục tiêu:

Đề án xây dựng và phát triển hợp tác xã dịch vụ và khai thác hải sản xa bờ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 - 2020 nhằm thành lập thêm 03 hợp tác xã và hỗ trợ phát triển 11 hợp tác xã (bao gồm 08 hợp tác xã đã thành lập giai đoạn 2011 - 2015 và 03 hợp tác xã chuẩn bị thành lập giai đoạn 2015 - 2020), ngoài ra hỗ trợ phát triển cho các hợp tác xã phát sinh được thành lập theo nhu cầu tại địa phương trong giai đoạn 2015 - 2020 nhưng phải đảm bảo theo định hướng mô hình hợp tác xã theo Nghị quyết này.

b) Định hướng xây dựng mô hình hợp tác xã:

- Hợp tác xã theo Nghị quyết này có tính chất đặc thù, vừa đáp ứng yêu cầu về phát triển kinh tế vừa thực hiện nhiệm vụ chính trị, góp phần bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Hợp tác xã thành lập để khai thác hải sản xa bờ, dịch vụ hậu cần nghề cá và một số dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực thủy sản. Mỗi hợp tác xã có tối thiểu 20 thành viên và tối thiểu 20 tàu cá có công suất $\geq 90CV$ tham gia khai thác hải sản xa bờ, tự nguyện đăng ký thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012. Thành viên hợp tác xã là các chủ tàu có công suất tàu $\geq 90CV$, cá nhân, hộ gia đình và pháp nhân có đủ điều kiện tham gia theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Thành viên tham gia hợp tác xã phải sử dụng các khâu dịch vụ hậu cần nghề cá do hợp tác xã tổ chức theo hợp đồng dịch vụ và thực hiện tổ chức sản xuất khai thác, tiêu thụ theo điều lệ của hợp tác xã.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ cơ sở hạ tầng:

- Hợp tác xã được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng tại vùng đất cảng trên địa bàn tỉnh để sản xuất kinh doanh, dịch vụ nghề cá. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% số tiền thuê này trong thời gian 5 năm đầu.

- Hợp tác xã được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nhằm mục đích phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên, cụ thể:

+ Hợp tác xã đủ điều kiện, tiêu chí thụ hưởng thì được hưởng theo chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp ngân sách Trung ương không bố trí thì ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã với mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

+ Hợp tác xã không đủ điều kiện, tiêu chí hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng tại Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì ngân sách tỉnh

hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động, sản xuất kinh doanh cho cộng đồng thành viên hợp tác xã với mức hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 hợp tác xã.

b) Hỗ trợ đất đai:

Căn cứ vào quỹ đất của từng địa phương và nhu cầu sử dụng đất của hợp tác xã, Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên vị trí, địa điểm thuận lợi cho hợp tác xã thuê đất (Ủy ban nhân dân huyện/thành phố chịu trách nhiệm bồi thường và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch) để xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi và sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của hợp tác xã.

Hợp tác xã thuê đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, ngoài phần được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, ngân sách tỉnh hỗ trợ cho hợp tác xã 50% tiền thuê đất còn lại trong thời gian 5 năm đầu.

c) Hỗ trợ tín dụng: Hợp tác xã có dự án, phương án đầu tư khả thi được ngân hàng chấp thuận cho vay thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 01 năm đầu, hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong 02 năm kế tiếp tính trên mức vay tối đa không quá 05 tỷ đồng/ hợp tác xã.

d) Trường hợp hợp tác xã thuê cơ sở hạ tầng tại vùng đất cảng trên địa bàn tỉnh để sản xuất kinh doanh, dịch vụ nghề cá hoặc thuê đất sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì được hưởng chính sách hỗ trợ này cho thời gian thuê còn lại tính từ ngày có quyết định cho thuê đến khi đủ 05 năm.

đ) Ngoài những chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này thì hợp tác xã được hưởng các chính sách khác theo quy định hiện hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc nếu trùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được chọn hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

3. Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí về cơ sở hạ tầng, đất đai, tín dụng; ngân sách huyện chịu trách nhiệm bồi thường và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch.

Điều 2. Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và kết luận của Chủ tọa kỳ họp, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh, phê duyệt Đề án và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua và thay thế Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh khóa XI.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Khóa XI thông qua ngày 14 tháng 4 năm 2015, tại kỳ họp thứ 15./.

CHỦ TỊCH
Trần Ngọc Căng